

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY

CURRENT STATUS AND MEASURES TO MANAGE ACTIVITIES OF TESTING AND ASSESSMENT OF LEARNING OUTCOMES AT COLLEGES IN NGHE AN PROVINCE TODAY

Nguyễn Hữu Hằng^{1,*}, Nguyễn Như An²

¹ Trường cao đẳng Việt-Đức Nghệ An

² Trường sư phạm, Trường đại học Vinh

ABSTRACT

ARTICLE INFORMATION

Journal: Vinh University
Journal of Sciences

ISSN: 1859-2228

Volume: XX

Issue: Y

**Correspondence:*

Firstname L.
abc@xyz.com

The article analyzes and evaluates the current status of the management of testing and assessment of learning outcomes of students in public colleges (in the vocational education sector) of Nghe An province. The survey and analysis content is carried out according to the basic functions of management activities (planning, organizing, directing testing, and assessment). In addition, factors affecting the management of testing and evaluation of students' learning outcomes are also surveyed according to different levels of impact and influence. The survey and analysis of the effectiveness of implementing the above management functions have determined the current status of the management of testing and assessment of learning outcomes in colleges of Nghe An province. This will be the basis for proposing management measures to improve the effectiveness of testing management and evaluation of learning outcomes in colleges of Nghe An province.

Keywords: *Management of testing and assessment activities; learning outcomes; colleges; Nghe An province.*

Received: 02 March 2024

Accepted: 08 April 2024

Published: 12 July 2024

doi: 10.56824/vujs.2024nt40

Citation:

First A, Second C-A, Third C A,
and Corresponding A (2022) Article
Title In English Be Concise Specific
And Relevant Capital Bold Times
New Roman Size 12 Not Exceed 20
Words. *Vinh Uni. Jour. Sci..* Vol 52
(1), pp. 16-27. doi:
10.56824/vujs.2024nt40

OPEN ACCESS

Copyright © 2022. This is an
Open Access article distributed
under the terms of the [Creative
Commons Attribution License \(CC
BY NC\)](#), which permits non-
commercially to share (copy and
redistribute the material in any
medium) or adapt (remix,
transform, and build upon the
material), provided the original
work is properly cited.

TÓM TẮT

Bài viết phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên ở các trường cao đẳng (thuộc khối giáo dục nghề nghiệp) công lập tỉnh Nghệ An. Nội dung khảo sát, phân tích được thực hiện theo các chức năng cơ bản của hoạt động quản lý (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá). Bên cạnh đó, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên cũng được khảo sát theo những mức độ tác động và ảnh hưởng khác nhau. Việc khảo sát, phân tích hiệu quả thực hiện các chức năng quản lý nêu trên đã xác định được thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An hiện nay. Đó sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An.

Từ khóa: *Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá; kết quả học tập; trường cao đẳng; tỉnh Nghệ An.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa trên mọi lĩnh vực hiện nay, quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh tiếp tục đổi mới,

phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp với mục tiêu “Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn”. Để đạt mục tiêu này, một trong những nội dung quan trọng của các nhiệm vụ giải pháp đó là “... Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động đã tích lũy từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế ở trong và ngoài nước...” (Thủ tướng Chính phủ, 2021a), “... Đổi mới việc đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học, người lao động; phát triển hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp...” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2023).

Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập (HĐ KTĐG KQHT) của người học là một khâu quan trọng quá trình giáo dục đào tạo và trong công tác quản lý của bất cứ một cơ sở giáo dục đào tạo nào. Kết quả những thông tin thu được qua HĐ KTĐG KQHT là những phản hồi giúp các nhà quản lý, nhà giáo kịp thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục đào tạo phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Để HĐ KTĐG KQHT một cách khách quan, chính xác, đảm bảo tính hệ thống và khoa học, các cơ sở giáo dục đào tạo phải không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện HĐ KTĐG KQHT tại các trường cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An (trong bài viết này gọi chung là các trường CĐ tỉnh Nghệ An) đã được các trường quan tâm triển khai thực hiện đảm bảo qui định chung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập, vì vậy việc nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý HĐ KTĐG KQHT của học sinh sinh viên (HSSV) tại các trường CĐ đẳng tỉnh Nghệ An thực sự cần thiết.

2. Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

2.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá, quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá

2.1.1. Kiểm tra

Kiểm tra là bộ phận hợp thành của quá trình hoạt động dạy - học nhằm nắm được thông tin về trạng thái và kết quả học tập của sinh viên về những nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó để tìm ra những biện pháp khắc phục lỗ hổng, đồng thời củng cố và tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy - học (Trần Đức Khánh, 2016). Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kiểm tra là một thuật ngữ chỉ sự đo lường, thu thập thông tin để có được những phán đoán, xác định xem mỗi người học sau khi học đạt được kiến thức, kỹ năng, thái độ hay năng lực như thế nào, đồng thời có những thông tin phản hồi để hoàn thiện quá trình dạy và học.

2.1.2. Đánh giá

Đánh giá là quá trình thu thập thông tin, chứng cứ về đối tượng được đánh giá và đưa ra những phán xét, nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí đã được đưa ra trong các tiêu chuẩn hay kết quả học tập. Đánh giá có thể là đánh giá định lượng hoặc đánh giá định tính (Từ điển Giáo dục học, 2001). Như vậy, ta có thể hiểu kiểm tra đánh giá kết quả học tập là sự so sánh, đối chiếu kiến thức, kỹ năng, thái độ thực tế đạt được ở những người học để tìm hiểu và chuẩn đoán trước, trong hoặc sau quá trình học tập với các kết quả mong đợi đã xác định trong mục tiêu dạy học.

2.1.3. Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá

Quản lý hoạt động KTĐG KQHT là những tác động có ý thức, có kế hoạch của chủ thể quản lý vào quá trình KTĐG KQHT nhằm làm cho công tác KTĐG KQHT được chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực trạng chất lượng dạy học, từ đó tìm ra nguyên nhân và biện pháp để cải thiện thực trạng, nâng cao chất lượng dạy học cũng như chất lượng giáo dục tổng thể (Trần Lương, Cầm Minh Tiến, Phan Thị Ánh Nguyệt, & Cao Lương Bình, 2023).

2.2. Khái quát về các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Qua nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển, các bậc trình độ đào tạo, qui mô, chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất các trường có một số đặc điểm chung của các trường cao đẳng công lập thuộc khối giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

- Phần lớn các trường đều được nâng cấp từ các trường trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp từ sau năm 2007, tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2007a, 2007b, 2008, 2011a, 2011b, 2017a, 2017b, 2017c ; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2004, 2008).

- Các trường đều có lợi thế nhất định từ cơ chế chính sách, hỗ trợ kinh phí từ chính quyền địa phương, các Bộ chủ quản; chi phí học tập thấp, được nhà nước cấp bù học phí nên người học phải đóng góp rất ít (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2023; Thủ tướng chính phủ, 2021b, 2023). Phần lớn các trường đều đào tạo các mã nghề kỹ thuật, học sinh, sinh viên tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động “sẵn đón” nên rất thuận lợi trong việc giải quyết đầu ra cho người học (Tỉnh ủy Nghệ An, 2022).

- Địa bàn tuyển sinh của các trường chủ yếu là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An và một số huyện phụ cận của tỉnh Hà Tĩnh, cùng với đó là tư tưởng của phụ huynh và học sinh “học đại học” là ưu tiên lựa chọn đầu tiên nên các trường gặp nhiều khó khăn trong tuyển sinh, chất lượng đầu vào thấp. Đây là thách thức cho phần lớn các trường, ngoại trừ một số trường có bề dày trong đào tạo nghề, được sự hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và của nước ngoài như trường cao đẳng Việt - Đức, trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, 2021, 2022, 2023; Tỉnh ủy Nghệ An, 2022).

- Trong những năm gần đây tuy đã có sự đầu tư của nhà nước cho các trường mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nhưng vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu phát triển của khoa học công nghệ và thực tế sản xuất; nguồn kinh phí eo hẹp, thu nhập của cán bộ, giảng viên còn thấp, còn nhiều bất cập trong chế độ chính sách ảnh hưởng nhiều đến động lực, hiệu quả công việc, sự cống hiến cho sự phát triển nhà trường. Hiệu quả quản trị nhà trường còn thấp, tồn tại nhiều bất cập, hạn chế (Tỉnh ủy Nghệ An, 2022).

2.3. Tổ chức khảo sát

2.3.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá về thực trạng quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV (theo các chức năng cơ bản của hoạt động quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá). Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV. Từ đó nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV tại các trường CĐ đẳng tỉnh Nghệ An.

2.3.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề chính sau đây: 1) Thực trạng nhận thức về HĐ KTĐG KQHT của HSSV; 2) Thực trạng về lập kế hoạch HĐ KTĐG KQHT của HSSV; 3) Thực trạng về tổ chức thực hiện HĐ KTĐG KQHT của HSSV; 4) Thực trạng về công tác chỉ đạo thực hiện HĐ KTĐG KQHT của HSSV của CBQL theo phân cấp, phân quyền; 5) Thực trạng về kiểm tra và đánh giá HĐ KTĐG KQHT của HSSV; 6) Thực trạng các điều kiện hỗ trợ HĐ KTĐG KQHT của HSSV.

2.3.3. Đối tượng khảo sát

Khảo sát các nhóm đối tượng: nhóm cán bộ quản lý (CBQL), gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng (ban giám hiệu (BGH)), Trưởng các phòng, khoa, Tổ trưởng tổ môn (cán bộ chủ chốt (CBCC)) và

nhóm Giảng viên (GV) tại các trường CĐ đẳng tỉnh Nghệ An, cụ thể thông tin về các đối tượng khảo sát trong bảng 1.

Bảng 1. Thông tin về các đối tượng khảo sát

TT	Trường CĐ công lập	Đối tượng khảo sát			Tổng cộng
		GV	CBQL		
			BGH	CBCC	
1	Trường cao đẳng giao thông vận tải Miền trung (Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương IV)	12	2	12	26
2	Trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc Nghệ An	32	2	14	48
3	Trường cao đẳng Việt – Đức Nghệ An	36	2	16	54
4	Trường cao đẳng thương mại- du lịch Nghệ An	24	2	12	38
5	Trường cao đẳng kinh tế – kỹ thuật số 1 Nghệ An	16	2	14	32
6	Trường cao đẳng nghề số 4 (Bộ quốc phòng)	20	2	14	36
7	Trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật Nghệ An	12	2	12	26
	Tổng cộng	152	14	94	260

2.3.4. Phương pháp khảo sát và xử lý số liệu

- Phương pháp thực hiện là khảo sát ý kiến (các đối tượng khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên) thông qua phiếu hỏi được thiết kế trên Google form, gửi đường link khảo sát online qua email/zalo. Để làm rõ hơn một số ý kiến tác giả còn sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến chuyên gia.
- Số liệu khảo sát được nhập và xử lý bằng phần mềm IBM SPSS 27.0 và Excel lập biểu bảng và phân tích điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) để đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu. Nội dung nào có ĐTB cao hơn thể hiện nội dung đó được đánh giá cao theo hướng tích cực.
- Việc xử lý kết quả các phiếu trưng cầu dựa vào phương pháp toán thống kê định lượng kết quả nghiên cứu. Tác giả sử dụng hai phương pháp đánh giá là: đánh giá định lượng theo tỷ lệ % và đánh giá theo điểm trung bình cộng cho các nội dung đánh giá.

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ phù hợp với từng nội dung khảo sát, cụ thể theo quy ước thang đo trong bảng 2.

Bảng 2. Quy ước thang đo

	Thang đo 5 mức (Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0.8)				
ĐTB	1.0 <ĐTB ≤ 1.8	1.8 <ĐTB ≤ 2.6	2.6 <ĐTB ≤ 3.4	3.4 <ĐTB ≤ 4.2	4.2 <ĐTB ≤ 5.0
Mức độ đánh giá	Kém (không đồng ý / không hiệu quả)	Yếu (ít đồng ý / ít hiệu quả)	Trung bình (đồng ý / hiệu quả)	Khá (khá đồng ý / khá hiệu quả)	Tốt (rất đồng ý / rất hiệu quả)

2.3.5. Độ tin cậy của dữ liệu

Độ tin cậy của dữ liệu trong nghiên cứu này được đánh giá dựa trên kết quả phân tích Cronbach's Alpha. Cụ thể, thang đo có độ tin cậy đạt yêu cầu khi giá trị Cronbach's Alpha của thang đo đạt từ 0,60 trở lên (Hoàng & Chu, 2008). Ngoài ra, các biến quan sát trong mỗi thang đo được chấp nhận khi giá trị hệ số tương quan biến tổng đạt từ 0,30 trở lên (Nunnally, 1978; Slater, 1995). Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của dữ liệu thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu xóa biến	Cronbach's Alpha
Nhận thức của Ban giám hiệu về HĐ KTĐG KQHT của HSSV	0.633 - 0.924	0.786 - 0.900	0.889
Nhận thức của CBQL về HĐ KTĐG KQHT của HSSV	0.632 - 0.809	0.802 - 0.872	0.872

Thang đo	Hệ số tương quan biến tổng	Cornbach's Alpha nếu xóa biến	Cornbach's Alpha
Nhận thức của GV về HĐ KTĐG KQHT của HSSV	0.715 - 0.868	0.857 - 0.911	0.910
Quản lý hoạt động lập kế hoạch hoạt động KTĐG KQHT của HSSV	0.416 - 0.782	0.757 - 0.855	0.854
Quản lý hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động KTĐG KQHT của HSSV	0.442 - 0.819	0.755 - 0.871	0.850
Quản lý hoạt động chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động KTĐG KQHT của HSSV	0.373 - 0.779	0.705 - 0.829	0.805
Quản lý hoạt động kiểm tra và đánh giá hoạt động KTĐG KQHT của HSSV	0.469 - 0.804	0.775 - 0.864	0.848
Quản lý về các điều kiện hỗ trợ đảm bảo hoạt động KTĐG KQHT của HSSV	0.480 - 0.672	0.676 - 0.718	0.778

Kết quả thống kê cho thấy các biến quan sát trong mỗi thang đo thành phần đều có giá trị hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,30, đồng thời giá trị Cronbach's Alpha của các thang đo đạt từ 0,8 đến gần bằng 1: thang đo lường rất tốt. Như vậy, các thang đo thành phần đều có giá trị hệ số tin cậy đạt yêu cầu, đồng thời các biến quan sát trong từng thang đo đều có tương quan rất tốt với thang đo nên đều được giữ lại để tiến hành các phân tích, thống kê tiếp theo.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng nhận thức về sự cần thiết phải quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Nhận thức về HĐ KTĐG KQHT của HSSV được đo bằng 04 biến quan sát: NT01- Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của HĐ KTĐG KQHT của HSSV; NT02 - Nhận thức về nội dung của HĐ KTĐG KQHT của HSSV; NT03- Nhận thức về quy trình KTĐG KQHT của HSSV và NT04 - Nhận thức về các điều kiện đảm bảo có hiệu quả HĐ KTĐG KQHT của HSSV.

Kết quả khảo sát 14 người thuộc BGH các trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An cho thấy: Thực trạng nhận thức của lãnh đạo BGH nhà trường về HĐ KTĐG KQHT của HSSV được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 4,8 (Bảng 4).

Bảng 4. Nhận thức của Ban giám hiệu về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ nhận thức					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	NT01	0	0	0	2/14 (14,29%)	12/14 (85,71%)	4,87
2	NT02	0	0	0	4/14 (28,57%)	10/14 (71,43%)	4,73
3	NT03	0	0	0	3/14 (21,43%)	11/14 (78,57%)	4,80
4	NT04	0	0	0	3/14 (21,43%)	11/14 (78,57%)	4,80

Qua khảo sát 94 người là cán bộ trưởng, phó các phòng khoa (CBCC) các trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An cho thấy: Thực trạng nhận thức của CBCC về HĐ KTĐG KQHT của HSSV cũng được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 4,08 (Bảng 5).

Bảng 5. Nhận thức của cán bộ quản lý về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ nhận thức					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	NT01	0	2/94 (2,13%)	10/94 (10,64%)	33/94 (35,11%)	49/94 (52,13%)	4,37
2	NT02	0	2/94 (2,13%)	18/94 (19,15%)	25/94 (26,60%)	49/94 (52,13%)	4,29
3	NT03	0	3/94 (3,19%)	39/94 (41,49%)	23/94 (24,47%)	29/94 (30,85%)	3,83
4	NT04	0	2/94 (2,13%)	38/94 (40,43%)	28/94 (29,79%)	26/94 (27,66%)	3,83

Về thực trạng nhận thức của GV về HĐ KTĐG KQHT của HSSV: qua khảo sát 152 người là GV các trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An cho thấy mức độ nhận thức của nhóm này được đánh giá

ở mức độ khá với điểm trung bình là 3,67 (Bảng 6).

Bảng 6. Nhận thức của giảng viên về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ nhận thức					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	NT01	0	26/152 (17,1%)	29/152 (19,1%)	53/152 (34,9%)	44/152 (28,9%)	3,76
2	NT02	0	25/152 (16,45%)	52/152 (34,21%)	38/152 (25,0%)	37/152 (24,34%)	3,57
3	NT03	0	30/152 (19,7%)	53/152 (34,9%)	33/152 (21,7%)	36/152 (23,7%)	3,49
4	NT04	0	24/152 (15,8%)	27/152 (17,8%)	48/152 (31,6%)	53/152 (34,9%)	3,86

Qua khảo sát kết quả cho thấy nhận thức của đội ngũ ban giám hiệu, cán bộ chủ chốt, giảng viên trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An về HĐ KTĐG KQHT của HSSV viên đều được đánh giá từ mức khá trở lên, trong đó nhận thức của các nhóm đối tượng là giảng viên được đánh giá thấp hơn so với nhóm lãnh đạo và nhóm cán bộ chủ chốt (điểm trung bình lần lượt là 3,67 so với 4,08 và 4,8). Xét về tỷ lệ ý kiến đánh giá thì ở biến khảo sát NT03- Nhận thức về quy trình KTĐG KQHT của HSSV của các GV được đánh giá thấp nhất, còn có 83/152 (54,6%) ý kiến đánh giá ở mức độ yếu và trung bình. Khi phỏng vấn một số GV ở các trường cho thấy các ý kiến tập trung cho rằng: về quy trình KTĐG KQHT thì GV ít quan tâm, họ chỉ thực hiện thực hiện nhiệm vụ được phân công, ít được tham dự tập huấn, bồi dưỡng thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hay các hội thảo khoa học. Đa số cho rằng họ tự nâng cao nghiệp vụ bằng các hình thức khác nhau và thực hiện chủ yếu theo kinh nghiệm.

3.2. Thực trạng lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Về quản lý hoạt động lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đo bằng 05 biến quan sát: LapKH01 - Xây dựng KH cho HĐ KTĐG KQHT của HSSV; LapKH02 - Xác định mục tiêu KTĐG KQHT của HSSV phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường; LapKH03 - Xác định nội dung KTĐG KQHT của HSSV khoa học, hợp lý, phù hợp với thực tế và khả thi; LapKH04 - Xác định phương thức, cách thức tiến hành KTĐG KQHT của HSSV cụ thể, hợp lý (quản lý, ra đề, chấm thi...) và LapKH05 - Xác định việc tổ chức thực hiện, phân bổ nguồn lực KTĐG KQHT của HSSV và thiết lập các điều kiện đảm bảo cho KH được thực hiện.

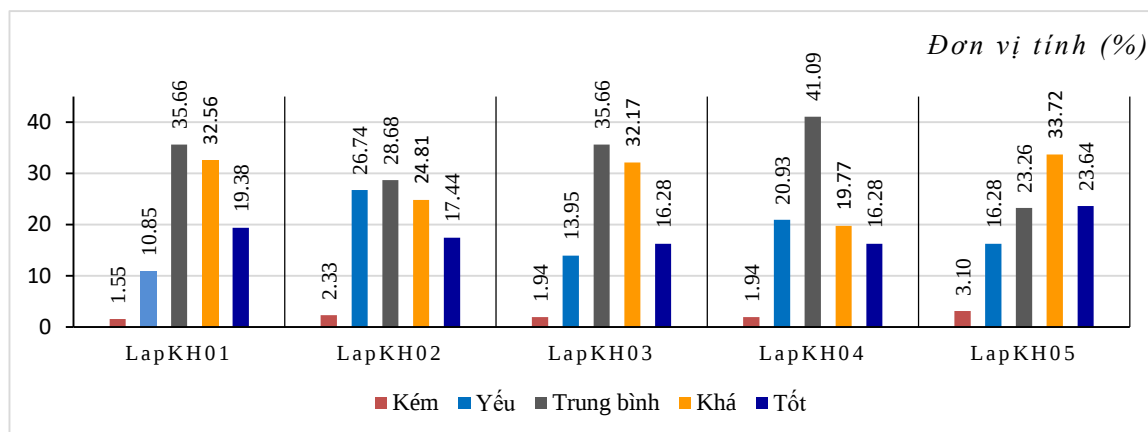
Qua khảo sát 258 người là hiệu trưởng, phó hiệu, trưởng các phòng khoa, GV các trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An cho thấy thực trạng về quản lý hoạt động lập KH KTĐG KQHT của HSSV được đánh giá ở mức khá với điểm trung bình chung là 3,44 (Bảng 7).

Bảng 7. Thực trạng lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ thực hiện					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	LapKH01	4/258	28/258	92/258	84/258	50/258	3,57
2	LapKH02	6/258	69/258	74/258	64/258	45/258	3,28
3	LapKH03	5/258	36/258	92/258	83/258	42/258	3,47
4	LapKH04	5/258	54/258	106/258	51/258	42/258	3,28
5	LapKH05	8/258	42/258	60/258	87/258	61/258	3,59

Trong các nội dung (biến) khảo sát về lập kế hoạch hoạt động KH KTĐG KQHT của HSSV kết quả đánh giá chung cho thấy hai nội dung LapKH02 - Xác định mục tiêu KTĐG KQHT của HSSV phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường và LapKH04 - Xác định phương thức, cách thức tiến hành KTĐG KQHT của HSSV cụ thể, hợp lý (quản lý, ra đề, chấm thi...) được đánh giá thấp hơn cả (điểm trung bình chung cả hai đều là 3,28) đều ở mức trung bình. Trong đó về tỷ lệ ý kiến đánh giá thì nội dung LapKH02 còn có 149/258 (57,75%) đánh giá ở mức kém, yếu và trung bình; nội dung LapKH04 còn có 165/258

(63,96%) đánh giá ở mức kém, yếu và trung bình (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1 - Thực trạng quản lý lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

Để tìm hiểu rõ hơn về kết quả đánh giá này tác giả đã gặp và trao đổi trực tiếp với một số cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên đồng thời nghiên cứu kế hoạch ở các trường thấy rằng: tất cả các trường đều xây dựng kế hoạch KH KTĐG KQHT ngay từ đầu năm cho từng học kỳ, năm học và cả khóa học. Tuy nhiên, phần lớn việc xác định mục tiêu KH KTĐG KQHT là nhằm xác nhận kết quả học tập của người học, mà chưa quan tâm nhiều đến mục tiêu làm cơ sở để cải thiện việc dạy và học.

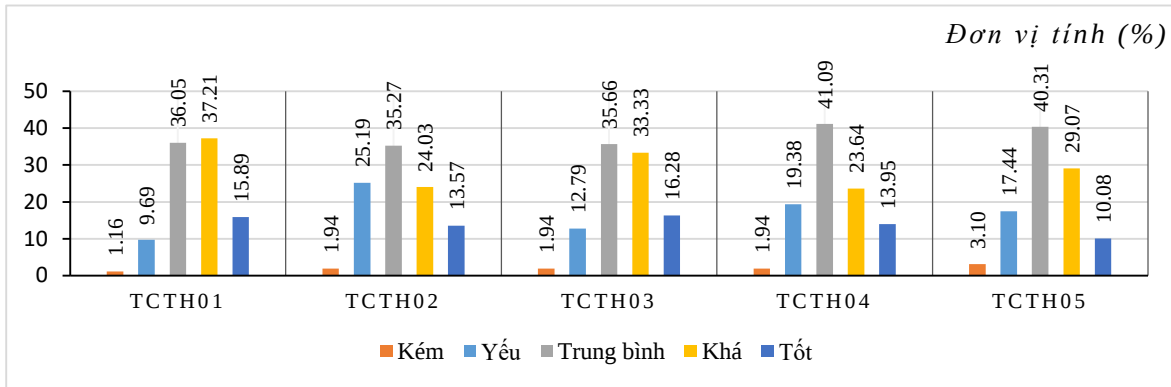
3.3. Thực trạng tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Thực trạng tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đo bằng 05 biến quan sát: TCTH01- Phân quyền, phân cấp chỉ đạo KTĐG KQHT của HSSV có cơ cấu hợp lý; TCTH02- Triển khai khoa học và hiệu quả việc thực hiện KH KTĐG KQHT của HSSV (ra đề, quản lý đề, chấm thi, công bố kết quả...); TCTH03- Sắp xếp, phân công cụ thể trong việc thực hiện KTĐG KQHT của HSSV; TCTH04- Qui định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn, quyền lợi của CB GV, các bộ phận tham gia KTĐG KQHT của HSSV và TCTH05- Tổ chức tập huấn hướng dẫn GV thực hiện hoạt động KTĐG KQHT của HSSV.

Kết quả 258 người là hiệu trưởng, hiệu phó, trưởng các phòng khoa, GV các trường CĐ khối GDNN tỉnh Nghệ An trả lời các nội dung khảo sát cho thấy thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đánh giá ở mức trung bình với điểm trung bình chung là 3,36 (Bảng 8). Xét riêng các nội dung kết quả khảo sát cho thấy các nội dung TCTH02, TCTH04 và TCTH05 được đánh giá mức thực hiện thấp hơn (điểm trung bình lần lượt là 3,22; 3,28 và 3,26). Trong đó về tỷ lệ ý kiến đánh giá thì nội dung TCTH02 còn có 161/258 (62,4%) đánh giá ở mức kém, yếu và trung bình; nội dung TCTH04 còn có 161/258 (62,4%) đánh giá ở mức kém, yếu và trung bình; nội dung TCTH05 còn có 157/258 (60,85%) đánh giá ở mức kém, yếu và trung bình (Biểu đồ 2).

Bảng 8. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ thực hiện					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	TCTH01	3/258	25/258	93/258	96/258	41/258	3,57
2	TCTH02	5/258	65/258	91/258	62/258	35/258	3,22
3	TCTH03	5/258	33/258	92/258	86/258	42/258	3,49
4	TCTH04	5/258	50/258	106/258	61/258	36/258	3,28
5	TCTH05	8/258	45/258	104/258	75/258	26/258	3,26



Biểu đồ 2 - Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

Các ý kiến đánh giá thông qua trao đổi trực tiếp cho thấy việc ra đề kiểm tra, thi kết thúc ít được cập nhật, đổi mới hình thức đánh giá chủ yếu các trường xây dựng ngân hàng đề thi và áp dụng cho nhiều khóa học. Đối với đề kiểm tra định kỳ, kết thúc môn học/mô-đun theo qui định đều do giáo viên giảng dạy tự ra, nên dẫn đến tình trạng “dạy cái gì thì ra đề cái đó” nên kết quả KTĐG chưa phản ánh đúng chất lượng giảng dạy, học tập, nếu dùng kết quả kiểm tra đánh giá để so sánh chất lượng giữa các lớp sẽ không phản ánh đúng thực chất. Quyền lợi của CB GV, các bộ phận tham gia KTĐG KQHT của HSSV được tính toán quy đổi theo qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục còn thấp chưa tương xứng: việc biên soạn đề kiểm tra kết thúc môn học, gồm cả đáp án, tùy theo loại đề chỉ được tính quy đổi từ 0,25 đến 1,5 giờ tiêu chuẩn. Coi kiểm tra 1 giờ được tính bằng 0,3 giờ chuẩn. Chấm bài kiểm tra chỉ được tính từ 0,1 đến 0,2 giờ/bài. Đối với thi tốt nghiệp có cao hơn nhưng cũng chưa tương xứng công sức người thực hiện bỏ ra: ra đề được tính 0,5 đến 2,5 giờ/đề; coi thi 1 giờ được tính 0,5 giờ chuẩn; chấm thi được tính 0,2 đến 0,4 giờ chuẩn/bài. Việc tập huấn hướng dẫn GV thực hiện hoạt động KTĐG KQHT của HSSV chưa được quan tâm tổ chức. Đây là những tồn tại, hạn chế mà các trường cần cải tiến, khắc phục.

3.4. Thực trạng quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đo bằng 05 biến quan sát: CĐTH01- BGH chỉ đạo thực hiện KH KTĐG KQHT của HSSV; CĐTH02- Các phòng, khoa, tổ môn chỉ đạo thực hiện KH KTĐG KQHT của HSSV; CĐTH03 - Phát huy vai trò của GV trong HĐ KTĐG KQHT của HSSV; CĐTH04 - Động viên, khích lệ CB, GV và HSSV thực hiện HĐ KTĐG KQHT của HSSV (khen thưởng, xử phạt) và CĐTH05 - Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chế, qui định, các văn bản hướng dẫn HĐ KTĐG KQHT của HSSV.

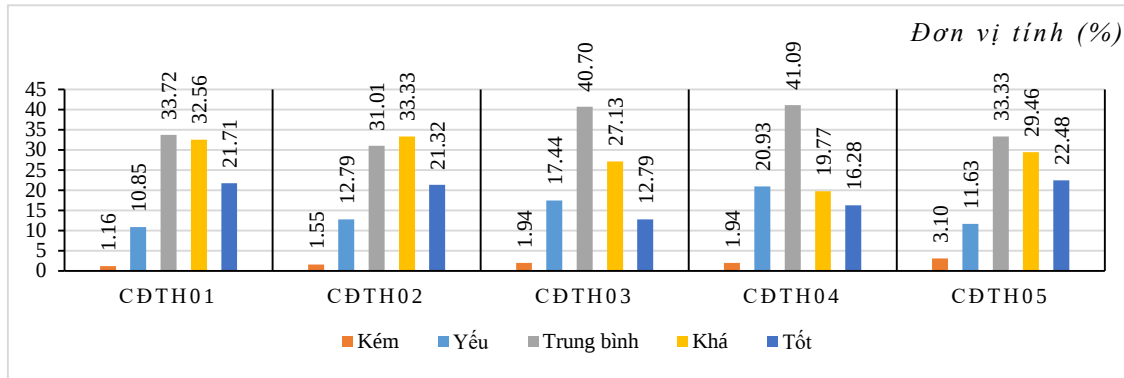
Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đánh giá ở mức khá với điểm trung bình chung là 3,48 (Bảng 9).

Bảng 9. Thực trạng quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ thực hiện					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	CĐTH01	3/258	28/258	87/258	84/258	56/258	3.63
2	CĐTH02	4/258	33/258	80/258	86/258	55/258	3.60
3	CĐTH03	5/258	45/258	105/258	70/258	33/258	3.31
4	CĐTH04	5/258	54/258	106/258	51/258	42/258	3.28
5	CĐTH05	8/258	30/258	86/258	76/258	58/258	3.57

Xét riêng các nội dung chi tiết CĐTH03 và CĐTH04 được đánh giá thấp hơn, các nội dung này còn có tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức độ thực hiện kém, yếu và trung bình là CĐTH03: 59,45%, CĐTH04: 63,96% (Biểu đồ 3). Để làm rõ nội dung này tác giả đã phỏng vấn trực tiếp với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ

chốt ở các trường cho thấy: các trường đều quan tâm chỉ đạo đổi mới, đa dạng các hình thức, phương pháp KTĐG KQHT của HSSV. Tuy nhiên, thực tế phương pháp kiểm tra, đánh giá đang chủ yếu tập trung ở



Biểu đồ 3 - Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

hình thức tự luận; kiểm tra đánh giá của GV giảng dạy trên lớp chưa thường xuyên, nội dung đề kiểm tra đánh giá theo ngân hàng đề thi; việc cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi còn chậm, chưa thường xuyên; một số CB, GV coi thi chưa nghiêm túc; việc chấm bài còn có “tình thương” với HSSV nên còn “nới nhẹ” khi chấm điểm; một số ý kiến cho rằng còn có GV thực hiện nhiệm vụ kiểm tra còn mang tính đối phó - thực hiện quy định của nhà trường; kiểm tra cho đủ điểm số; nguyên nhân nội dung CĐTH04 được đánh giá thấp hơn là do quyền lợi của CB, GV tham gia hoạt động KTĐG KQHT của HSSV được đáp ứng chưa tương xứng (chế độ tính qui đổi sang giờ chuẩn còn thấp); kết quả thành tích trong hoạt động KTĐG KQHT của HSSV chưa được quan tâm xem xét trong các tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm của các trường.

3.5. Thực trạng kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Thực trạng hoạt động kiểm tra và đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đo bằng 05 biến: TTKT01 - Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn kiểm tra HĐ KTĐG KQHT của HSSV khoa học, hợp lý; TTKT02 - Kiểm tra HĐ KTĐG KQHT của HSSV có tính đồng bộ, công khai, minh bạch, khách quan; TTKT03 - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV; TTKT04 - Kết hợp các hình thức kiểm tra (định kỳ, đột xuất) hoạt động KTĐG KQHT của HSSV và TTKT05 - Đề xuất các biện pháp điều chỉnh HĐ KTĐG KQHT của HSSV kịp thời, hiệu quả.

Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng về quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đánh giá ở mức trung bình với điểm trung bình chung là 3,36 (Bảng 10).

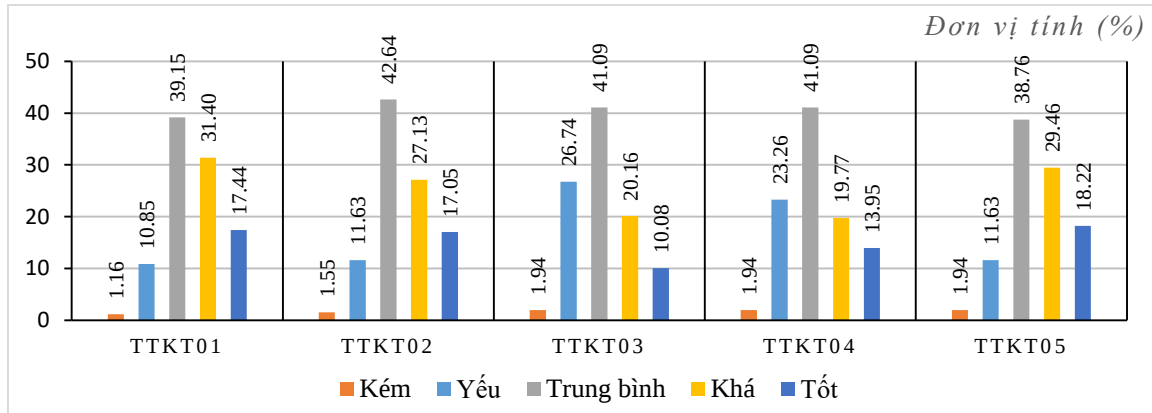
Bảng 10. Thực trạng quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ thực hiện					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	TTKT01	3/258	28/258	101/258	81/258	45/258	3,53
2	TTKT02	4/258	30/258	110/258	70/258	44/258	3,47
3	TTKT03	5/258	69/258	106/258	52/258	26/258	3,10
4	TTKT04	5/258	60/258	106/258	51/258	36/258	3,21
5	TTKT05	5/258	30/258	100/258	76/258	47/258	3,50

Các nội dung chi tiết TTKT03 và TTKT04 được đánh giá thấp hơn, các nội dung này còn có tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức độ thực hiện kém, yếu và trung bình là TTKT03: 69,77%, TTKT04: 66,29% (Biểu đồ 4).

Qua tìm hiểu nghiên cứu các văn bản, kế hoạch của các trường cho thấy các trường đều đã có bộ phận chuyên môn thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra khảo thí đảm bảo chất lượng; một số trường có thành

lập phòng chức năng về thanh tra khảo thí đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện chưa thường xuyên, chưa xây dựng được kế hoạch cụ thể, chưa thực hiện được công tác sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm công tác thanh tra, kiểm tra; hoạt động kiểm tra chủ yếu mới thực hiện định kỳ, ít khi tổ chức kiểm tra đột xuất mà chủ yếu tập trung vào các kỳ thi tốt nghiệp.



Biểu đồ 4 - Thực trạng quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

3.6. Thực trạng quản lý về các điều kiện hỗ trợ đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

Thực trạng về các điều kiện hỗ trợ đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đo bằng 04 biến: ĐKĐBHĐ01 - Các chế định DT (Luật GDNN, chính sách, chế độ, nghị quyết, điều lệ, quy chế...) về HĐ KTĐG KQHT của HSSV; ĐKĐBHĐ02 - Bộ máy tổ chức, nhân lực tham gia HĐ KQHT của HSSV; ĐKĐBHĐ03 - Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất được huy động tham gia HĐ KTĐG KQHT của HSSV và ĐKĐBHĐ04 - Hệ thống thông tin và môi trường xung quanh trong HĐ KTĐG KQHT của HSSV.

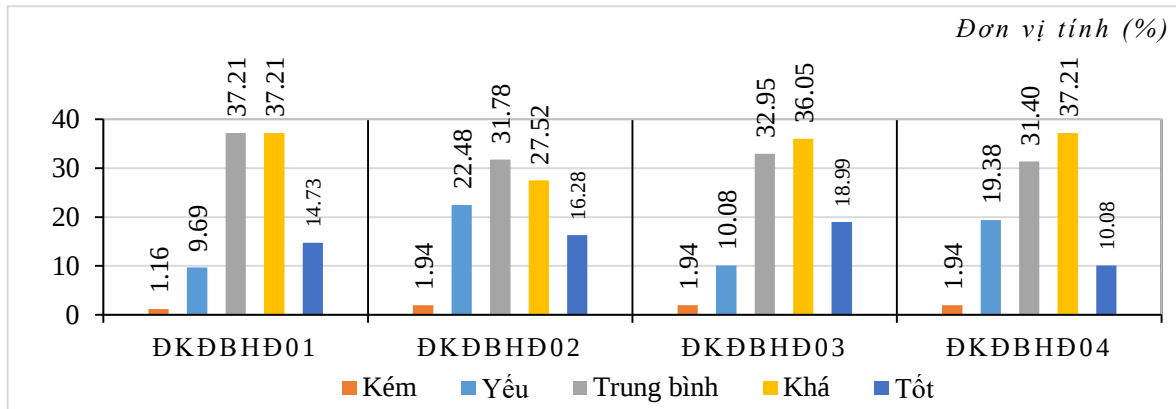
Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng về quản lý hoạt động kiểm tra và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HSSV được đánh giá ở mức khá với điểm trung bình chung là 3,46 (Bảng 11).

Bảng 11. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

TT	Biến	Mức độ thực hiện					ĐTB (Mean)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
1	ĐKĐBHĐ01	3/258	25/258	96/258	96/258	38/258	3,55
2	ĐKĐBHĐ02	5/258	58/258	82/258	71/258	42/258	3,34
3	ĐKĐBHĐ03	5/258	26/258	85/258	93/258	49/258	3,60
4	ĐKĐBHĐ04	5/258	50/258	81/258	96/258	26/258	3,34

Đa số các ý kiến đều đánh giá ở mức trung bình trở lên. Nội dung ĐKĐBHĐ04 - Hệ thống thông tin và môi trường xung quanh trong HĐ KTĐG KQHT của HSSV còn có nhiều ý kiến nhất đánh giá ở mức kém và yếu (55/258 ý kiến chiếm 21,32%, Biểu đồ 5).

Để làm rõ hơn về nội dung này, tác giả đã trực tiếp trao đổi một số lãnh đạo BGH, cán bộ chủ chốt ở các trường và kiểm tra thực tế cho thấy: các trường đều có phần mềm quản lý đào tạo, nhưng chủ yếu mới có các nội dung quản lý hồ sơ lý lịch HSSV, quản lý thu học phí, quản lý kết quả thi, kiểm tra thông qua nhập dữ liệu thủ công; còn các phần mềm hỗ trợ soạn đề, quản lý ngân hàng đề, phần mềm thi trắc nghiệm, máy chấm trắc nghiệm, hệ thống phòng máy tính để tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính chưa có. Đây là điều trở ngại cho việc áp dụng công nghệ thông tin để đổi mới trong KTĐG KQHT, mà các trường cần có kế hoạch khắc phục để đáp ứng xu hướng chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay.



Biểu đồ 5 - Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

4. Một số biện pháp quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An

4.1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

Mục đích của biện pháp này nhằm giúp CBQL, GV nhận thức đúng đắn về mục tiêu, vai trò, tầm quan trọng của HĐ KTĐG KQHT của HSSV; từ đó, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong quá trình dạy học và HĐ KTĐG KQHT.

Thực hiện biện pháp thông qua các hoạt động:

- Tổ chức các Hội thảo, diễn đàn, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn chuyên môn về các nội dung đổi mới phương pháp dạy học, KTĐG KQHT, phổ biến Quy chế đào tạo...
- Đưa các tiêu chí về hoạt động KTĐG vào Quy chế thi đua khen thưởng, Quy định chi tiết chế độ làm việc của nhà giáo, lưu ý việc quy đổi các hoạt động KTĐG KQHT phù hợp nhằm động viên, khích lệ, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tham gia vào HĐ ĐGKQ học tập của HSSV.

4.2. Đổi mới công tác lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

Mục đích của biện pháp là nhằm hoạch định được mục tiêu, nội dung, giải pháp để thực hiện việc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác lập kế hoạch KTĐG KQHT của HSSV một cách hiệu quả nhất.

Thực hiện biện pháp thông qua:

- Quản lý đổi mới mục tiêu KTĐG: Hiệu trưởng chỉ đạo lập kế hoạch đổi mới mục tiêu KTĐG KQHT của HSSV gồm: Phân tích thực trạng thực hiện mục tiêu và quản lý thực hiện mục tiêu KTĐG KQHT của HSSV; Xác định đổi mới mục tiêu kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực của người học; Xác định các HĐ KTĐG tương ứng với đổi mới mục tiêu; Xác định các nguồn lực thực hiện, các biện pháp, kiểm tra và đánh giá.
- Quản lý đổi mới nội dung, phương pháp KTĐG: Trong giảng dạy, GV tạo ra các tình huống giúp cho HSSV trình bày quan điểm, tranh luận, phản biện, phát triển kỹ năng xử lý các tình huống, vấn đề trong thực tiễn. Nội dung đề kiểm tra, thi, đồ án, đề tài khóa luận đổi mới đa dạng hóa phương pháp KTĐG theo hướng tăng cường phát huy khả năng phân tích, sáng tạo, phát huy kỹ năng nghề của HSSV.

4.3. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giảng viên về thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên

Biện pháp này nhằm mục đích: giúp CBQL, GV nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về KTĐG KQHT: biết và vận dụng đa dạng hóa các phương pháp, hình thức KTĐG, vận dụng tốt các thiết bị kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ công tác KTĐG KQHT của HSSV.

Biện pháp này thực hiện thông qua các hoạt động:

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho CBQL, GV về nghiệp vụ KTĐG, kỹ năng khai thác, sử dụng các thiết bị kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ công tác KTĐG KQHT của HSSV. Tổ chức thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên đề đề cán bộ, GV trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong HĐ KTĐG.
- Định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động KTĐG KQHT để đúc rút kinh nghiệm, trao đổi chuyên môn, tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ứng dụng công nghệ số vào hoạt động dạy học.

4.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên

Mục đích của biện pháp: Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về hiệu quả hoạt động KTĐG KQHT của HSSV để làm cơ sở điều chỉnh hiệu quả, phù hợp các nội dung, phương pháp KTĐG KQHT, cơ sở đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng.

Thực hiện biện pháp thông qua:

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất, định kỳ hoạt động KTĐG KQHT ở tất cả các khâu của hoạt động này.
- Thiết lập tiêu chí đánh giá cụ thể, khoa học, khách quan và khả thi. Phân định rõ bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc quản lý KTĐG KQHT của HSSV.
- Tạo điều kiện cho mỗi cá nhân, bộ phận tự KTĐG hiệu quả công việc trước khi tập thể đánh giá; Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm trong từng giai đoạn hoặc công việc một cách nghiêm túc; có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời.

4.5. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang bị đảm bảo các điều kiện, phương tiện hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra, đánh giá

Biện pháp này nhằm mục đích trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện dạy học và qua các điều kiện hỗ trợ HĐ KTĐG; góp phần đảm bảo chất lượng, hiệu quả HĐ KTĐG KQHT một cách chính xác, công bằng, khách quan và minh bạch.

Thực hiện biện pháp thông qua:

- Lập dự án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính; xây dựng hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá. Tìm nhiều biện pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức. Xây dựng và phát triển môi trường văn hóa trong nhà trường.
- Kiểm tra, rà soát để đảm bảo việc giữ gìn, bảo quản cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch tu sửa, bổ sung, thay thế các thiết bị hư hỏng xuống cấp kịp thời đảm bảo các thiết bị tối thiểu như máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy chấm trắc nghiệm, thường xuyên bảo trì các phần mềm hỗ trợ soạn đề, quản lý ngân hàng đề, phần mềm thi trắc nghiệm, quản lý kết quả thi, kiểm tra...

5. Kết luận

Thực trạng quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An theo các chức năng cơ bản của hoạt động quản lý (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá) và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV được đánh giá ở mức độ từ trung bình đến mức độ khá (điểm trung bình 3,36 đến 3,48). Qua đó cho thấy các trường đã thực hiện tương đối nghiêm túc, hiệu quả quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV; các trường cũng đã đầu tư đảm bảo các điều kiện hỗ trợ cho HĐ KTĐG KQHT của HSSV. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực trạng kết hợp phỏng vấn trực tiếp và quan sát, nghiên cứu các tài liệu lưu trữ về HĐ KTĐG KQHT của HSSV ở các trường cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế. Đánh giá này là cơ sở để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐ KTĐG KQHT của HSSV ở các trường cao đẳng tỉnh Nghệ An. Mỗi trường cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của nhà trường để tổ chức thực hiện các biện pháp một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023). *Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 04/5/2023, về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004). *Quyết định số 1507/QĐ-BGDDT-TCCB ngày 23/3/2004 về việc thành lập Trường cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Quyết định số 3766/QĐ-BGDDT ngày 07/7/2008 về việc thành lập Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Miền Trung*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2007a, 2017a). *Quyết định số 195/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật Việt Đức Nghệ An; Quyết định số 694/QĐ-LĐTBXH ngày 18/5/2017 về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt - Đức Nghệ An thành Trường cao đẳng Việt - Đức Nghệ An*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2007b, 2017b). *Quyết định số 258/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/02/2007 về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc; Quyết định số 693/QĐ-LĐTBXH ngày 18/5/2017 về việc đổi tên Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc thành Trường cao đẳng KTCN Việt Nam – Hàn Quốc*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2008, 2017c). *Quyết định số 771/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/6/2007 về việc thành lập Trường cao đẳng nghề du lịch thương mại Nghệ An; Quyết định số 334/QĐ-LĐTBXH ngày 14/3/2017 về việc đổi tên Trường cao đẳng nghề du lịch thương mại Nghệ An thành trường cao đẳng du lịch thương mại Nghệ An*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011a). *Quyết định số 534/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/05/2011 về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề số 4 - Bộ Quốc phòng*.
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011b). *Quyết định số 624/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/05/2011 về việc thành lập trường Cao đẳng Nghề Kinh tế- Kỹ thuật số 1 thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Tại Nghệ An*.
- Bộ lao động Thương binh và Xã hội (2023). *Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023, quy định danh mục những ngành nghề nặng nhọc nguy hiểm độc hại*.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.
- Nunnally, J. (1978). *Psychometric Theory*. New York: McGraw-Hill.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An (2021, 2022, 2023). *Báo cáo tổng kết giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm ngành Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2021, 2022, 2023*.
- Thủ tướng Chính phủ (2021a). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Thủ tướng chính phủ (2021b). *Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
- Thủ tướng chính phủ (2023). *Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*.
- Tỉnh ủy Nghệ An (2022). *Số 14 - ĐA/TU ngày 25/11/2022 Đề án đào tạo, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.
- Trần Đức Khánh (2016). *Đo lường và đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Lương, Cóm Minh Tiến, Phan Thị Ánh Nguyệt & Cao Lương Bình (2023). *Thực trạng quản lý hoạt động KTĐG kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Y dược Cần Thơ. Tạp chí thiết bị dạy nghề, Volum2, Issue 293. Truy vấn từ <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd/article/view/87998/74761>*.
- Từ điển Giáo dục học (2001), NXB Từ điển Bách khoa.